

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ AMD GROUP

Địa chỉ: Tầng 1 - Toà nhà Việt úc (VAS) - Mỹ Đình I - Cầu Diễn- Nam Từ Liêm - Hà Nội

MST: 0102370070

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Quý 4 năm 2015

Bao gồm:

1. Bảng cân đối kế toán
2. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh
3. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ
4. Thuyết minh Báo cáo tài chính

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		115,417,156,250	109,041,591,947
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	VI.1	15,745,803,697	958,479,955
1. Tiền	111		15,745,803,697	958,479,955
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	-
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120	VI.2	-	-
1. Chứng khoán kinh doanh	121		-	-
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh (*)	122		-	-
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		-	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		52,219,111,262	90,050,902,087
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	VI.3	48,795,580,091	82,788,684,782
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		3,378,857,193	379,798,628
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch HĐXD	134		-	-
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		-	5,500,000,000
6. Các khoản phải thu khác	136	VI.4	44,673,978	1,382,418,677
7. Dự phòng phải thu khó đòi (*)	137		-	-
8. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		-	-
IV. Hàng tồn kho	140	VI.7	46,263,315,054	18,032,209,905
1. Hàng tồn kho	141		46,263,315,054	18,032,209,905
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)	149		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		1,188,926,237	-
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	VI.13	-	-
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		1,188,926,237	-
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153		-	-
4. Giao dịch mua bán trái phiếu chính phủ	154		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		331,679,085,918	328,338,283,892
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		32,418,677	-
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	-
3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		-	-
4. Phải thu nội bộ dài hạn	214		-	-
5. Phải thu về cho vay dài hạn	215		-	-
6. Phải thu dài hạn khác	216	VI.4	32,418,677	-
5. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi (*)	219		-	-

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015

(tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
II. Tài sản cố định	220		367,540,911	425,201,872
1. Tài sản cố định hữu hình	221	VI.9	367,540,911	425,201,872
- Nguyên giá	222		1,588,843,637	1,588,843,637
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(1,221,302,726)	(1,163,641,765)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
- Nguyên giá	225		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227		-	-
- Nguyên giá	228		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		-	-
III. Bất động sản đầu tư	230	VI.12	-	-
- Nguyên giá	231		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	232		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240	VI.8	-	-
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		-	-
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250	VI.2	311,200,972,070	311,200,972,070
1. Đầu tư vào công ty con	251		271,387,600,000	271,387,600,000
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		40,000,000,000	40,000,000,000
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		-	-
4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn (*)	254		(186,627,930)	(186,627,930)
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn (dài hạn)	255		-	-
VI. Tài sản dài hạn khác	260		20,078,154,260	16,712,109,950
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	VI.13	20,078,154,260	16,712,109,950
2. Tài sản thuê thu nhập hoãn lại	262		-	-
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		-	-
4. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
5. Lợi thế thương mại	269	VI.14	-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		447,096,242,168	437,379,875,839

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015

(tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		87,491,273,814	86,298,112,197
I. Nợ ngắn hạn	310		87,491,273,814	86,298,112,197
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	VI.16	30,404,459,801	79,063,150,479
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		42,544,496,753	250,711,508
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	VI.17	7,709,129,216	5,173,909,739
4. Phải trả người lao động	314		-	(13,465,798)
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	VI.18	-	-
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	-
7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch HĐXD	317		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		-	-
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	VI.19	47,988,850	38,607,075
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	VI.15	5,000,000,000	-
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		-	-
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		1,785,199,194	1,785,199,194
13. Quỹ bình ổn giá	323		-	-
14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324		-	-
II. Nợ dài hạn	330		-	-
1. Phải trả dài hạn người bán	331	VI.16	-	-
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332		-	-
3. Chi phí phải trả dài hạn	333	VI.18	-	-
4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334		-	-
5. Phải trả nội bộ dài hạn	335		-	-
6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		-	-
7. Phải trả dài hạn khác	337		-	-
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	VI.15	-	-
9. Trái phiếu chuyển đổi	339		-	-
10. Cổ phiếu ưu đãi	340		-	-
11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		-	-
12. Dự phòng phải trả dài hạn	342		-	-
13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		-	-

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015

(tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		359,604,968,354	351,081,763,642
I. Vốn chủ sở hữu	410	VI.25	359,604,968,354	351,081,763,642
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		300,000,000,000	300,000,000,000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		300,000,000,000	300,000,000,000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		-	-
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		-	-
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414		-	-
5. Cổ phiếu quỹ (*)	415		-	-
6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		-	-
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		-	-
8. Quỹ đầu tư phát triển	418		1,785,199,194	1,785,199,194
9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419		-	-
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		892,599,597	892,599,597
11. Lợi nhuận chưa phân phối	421		56,927,169,563	48,403,964,851
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		28,434,882,565	28,434,882,565
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		28,492,286,998	19,969,082,286
12. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	422		-	-
13. Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429		-	-
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430	VI.28	-	-
1. Nguồn kinh phí	431		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	432		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		447,096,242,168	437,379,875,839

Hà Nội, ngày 19 tháng 1 năm 2016

Người lập

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc



Đinh Đặng Thủy Anh



Đinh Đặng Thủy Anh



Nguyễn Tiến Đức

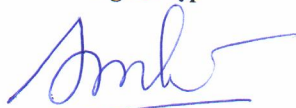
BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/10/2015 đến 31/12/2015

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết t minh	Quý 4/2015		Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này	
			Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch	01	VII.1	253,729,857,655	118,268,110,722	782,042,079,321	446,776,553,362
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	VII.2	92,070,376	273,790,179	571,735,091	441,983,564
3. Doanh thu thuần bán hàng và cung c dịch vụ	10		253,637,787,279	117,994,320,543	781,470,344,230	446,334,569,798
4. Giá vốn hàng bán	11	VII.3	239,895,905,204	115,739,424,872	741,492,654,896	427,682,375,949
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung c dịch vụ	20		13,741,882,075	2,254,895,671	39,977,689,334	18,652,193,849
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VII.4	11,043,366	5,685,873,499	2,087,559,222	21,014,162,846
7. Chi phí tài chính	22	VII.5	3,083,253	337,138,217	-145,713,908	337,138,217
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23					
8. Phân lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết	24					
9. Chi phí bán hàng	25	VII.8	72,555,385	187,222,620	492,389,145	889,316,124
10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VII.8	2,475,714,818	699,190,261	4,608,450,163	2,170,403,276
11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		11,201,571,985	6,717,218,072	37,110,123,156	36,269,499,078
12. Thu nhập khác	31	VII.6	157,460,182	1,320,260,285	410,918,082	3,931,028,807
13. Chi phí khác	32	VII.7		814,540,315	118,546,556	2,157,842,188
14. Lợi nhuận khác	40		157,460,182	505,719,970	292,371,526	1,773,186,619
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		11,359,032,167	7,222,938,042	37,402,494,682	38,042,685,697
16. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51		2,498,987,078	1,621,585,832	8,257,840,962	8,389,928,803
17. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52					
18. Lợi nhuận sau thuế TNDN	60		8,860,045,089	5,601,352,210	29,144,653,720	29,652,756,894
19. Lợi nhuận sau thuế TNDN của công ty	61					
20. Lợi nhuận sau thuế TNDN của cổ đôn; không kiểm soát	62					
21. Lãi cơ bản trên cổ phiếu (*)	70		295.33		971.49	1,019.51
22. Lãi suy giảm trên cổ phiếu (*)	71					

Người lập



Đinh Đặng Thủy Anh

Phụ trách Kế toán



Đinh Đặng Thủy Anh



Hà Nội, ngày 19 tháng 01 năm 2016

Tổng Giám đốc

Nguyễn Tiến Đức

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp trực tiếp)

TỪ NGÀY: 01-10-2015 ĐẾN NGÀY: 31-12-2015

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	MÃ SỐ	THUYẾT MINH	NĂM NAY	NĂM TRƯỚC
1	2	3	4	5
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Tiền thu bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01		353,284,413,840	178,108,596,623
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	02		(348,966,579,233)	(181,940,062,974)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03		(927,942,533)	(541,253,369)
4. Tiền lãi vay đã trả	04		0	0
5. Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	05		0	(2,312,272,503)
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06		1,852,311,545	1,400,448,774
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07		(954,879,877)	(1,171,186,717)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		4,287,323,742	(6,455,730,166)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TS dài hạn khác	21		0	0
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		0	0
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		0	(25,000,000,000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		5,500,000,000	42,921,996,000
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		0	(9,500,000,000)
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		0	0
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		0	1,888,475,283
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		5,500,000,000	10,310,471,283
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		0	0
2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của DN đã phát hành	32		0	0
3. Tiền thu từ đi vay	33		12,500,000,000	25,000,000,000
4. Tiền trả nợ gốc vay	34		(7,500,000,000)	(25,000,000,000)
5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35		0	0
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		0	0
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		5,000,000,000	
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50=20+30+40)	50		14,787,323,742	3,854,741,117
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		958,479,955	4,767,699,566
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61			0
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50+60+61)	70		15,745,803,697	8,622,440,683

Hà Nội, ngày 19 tháng 01 năm 2016

NGƯỜI LẬP BIỂU

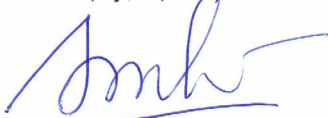
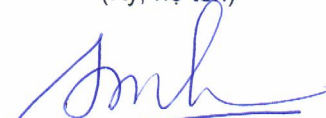
Kế toán trưởng

TỔNG GIÁM ĐỐC

(Ký, họ tên)

(Ký, họ tên)

(Ký, họ tên, đóng dấu)


Đinh Đặng Thủy Anh

Đinh Đặng Thủy Anh

Nguyễn Tiến Đức

VI. Thông tin bổ sung cho các khoản trình bày trong Bảng cân đối kế toán

Đơn vị tính: VND

1. TIỀN VÀ TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
Tiền mặt	276,953,472	415,999,323
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	15,468,850,225	542,480,632
Các khoản tương đương tiền	-	-
Cộng	15,745,803,697	958,479,955

2. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

a) Chứng khoán kinh doanh

c) Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

	Số cuối kỳ			Số đầu kỳ		
	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng
- Đầu tư vào Công ty con	271,387,600,000	-	-	261,587,600,000	266,687,600,000	-
+ Viện Quản lý và Phát triển Châu Á	178,437,600,000	-	-	178,437,600,000	178,437,600,000	-
+ Công ty Cổ phần Pink House Việt Nam	14,250,000,000	-	-	14,250,000,000	14,250,000,000	-
+ Công ty Cổ phần Vật tư và Thiết bị khoa học kỹ thuật ACETECH	9,500,000,000	-	-	9,500,000,000	9,500,000,000	-
+ Công ty Cổ phần Thương mại và Dịch vụ Đông Sơn	59,400,000,000	-	-	59,400,000,000	59,400,000,000	-
+ Công ty Cổ phần AMD Smart	9,800,000,000	-	-	9,800,000,000	5,100,000,000	-
- Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	40,000,000,000	-	-	40,000,000,000	40,000,000,000	-
+ Công ty Cổ phần Decohouse	40,000,000,000	-	-	40,000,000,000	40,000,000,000	-

Tình hình hoạt động của công ty con, công ty liên doanh liên kết:

Viện Quản lý và Phát triển Châu Á - AMDI: là một tổ chức khoa học công nghệ thực hiện hoạt động tư vấn, nghiên cứu và đào tạo về quản lý và phát triển nhằm thúc đẩy tăng trưởng kinh tế, công bằng xã hội, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực và tạo ra những thay đổi tích cực, bền vững cho tổ chức. AMDI được Bộ Khoa học và Công nghệ Việt Nam cấp Giấy phép đăng ký số A-573 năm 2006 và là một thành viên của Liên hiệp các Hội Khoa học và Kỹ thuật Việt Nam (VUSTA).

Công ty cổ phần Vật tư và thiết bị khoa học ACETECH: là đơn vị trực thuộc AMD GROUP, ACETECH lấy việc cung cấp thiết bị khoa học kỹ thuật và chuyển giao công nghệ làm nền tảng. Các hoạt động kinh doanh của công ty nằm trong lĩnh vực cung cấp thiết bị Khoa học Công nghệ, thiết bị Y tế, thiết bị Giáo dục, thiết bị Day nghề và dịch vụ kỹ thuật: thiết kế, thi công lắp đặt hệ thống phòng thí nghiệm công nghệ cao. ACETECH có ưu thế là tiếp cận nhanh với những công nghệ hiện đại, tiên tiến cũng như phương pháp quản lý khoa học. ACETECH đang từng bước khẳng định mình trong thị trường cũng như góp phần vào sự phát triển khoa học kỹ thuật của đất nước.

Công ty cổ phần Pink House Việt Nam: là đơn vị trực thuộc AMD GROUP và được phát triển theo mô hình của hệ thống giáo dục mầm non chuyên nghiệp. Pink House được trang bị hệ thống cơ sở vật chất đầy đủ, hiện đại, quy trình đào tạo chuẩn mực, chuyên nghiệp. Hiện tại hệ thống Pink House có khả năng tiếp nhận và chăm sóc cho khoảng 400 cháu/năm và sẽ tiếp tục được mở rộng trong thời gian sắp tới. Chương trình học tập của Pink House là một chương trình mở với nhiều hình thức tổ chức hoạt động thú vị phong phú. Phương pháp giảng dạy tại Pink House có tiêu chí lấy trẻ làm trung tâm trong mọi hoạt động, tôn trọng ước muốn của trẻ và hướng trẻ đến những điều tốt đẹp.

Công ty Cổ phần Thương mại và Dịch vụ Đông Sơn: được thành lập ngày 03/11/2014 với vốn điều lệ ban đầu là 10 tỷ đồng, tăng vốn lên 60 tỷ đồng theo đăng ký doanh nghiệp thay đổi ngày 12/06/2015, trong đó AMD GROUP sở hữu 99% vốn cổ phần. CTCP Dịch vụ và Thương mại Đông Sơn có ngành nghề chính là kinh doanh xăng dầu và vật liệu xây dựng. Hiện Công ty đang tiến hành các thủ tục cần thiết để triển khai thực hiện Dự án cửa hàng kinh doanh xăng dầu, vật liệu xây dựng và trạm dừng đỗ xe tại Bắc Ninh. Dự án này được kỳ vọng sẽ mang lại nguồn lợi nhuận không nhỏ cho Công ty Đông Sơn nói riêng và AMD GROUP nói chung đồng thời góp phần vào việc phát triển kinh tế, xã hội của tỉnh cũng như tạo thêm nhiều việc làm, nâng cao chất lượng cuộc sống của người dân địa phương.

Công ty Cổ phần DECOHOUSE: Công ty đặt trụ sở tại thị trấn Yên Lạc, huyện Yên Lạc, tỉnh Vĩnh Phúc, công ty DECOHOUSE hiện đang đầu tư phát triển một dự án xây dựng Khu nhà nghỉ sinh thái, nhà hàng sinh thái và kinh doanh thương mại tại xã Trung Nguyên, huyện Yên Lạc, tỉnh Vĩnh Phúc. Dự án là sự kết hợp giữa các hoạt động thương mại, kết hợp với các hoạt động nghỉ dưỡng, du lịch sinh thái, là một bước chuyển đổi trong việc phát triển, hình thành một tổ hợp thương mại dịch vụ khuếch trương các sản phẩm nông sản đến người tiêu dùng.

Công ty Cổ phần AMDSMART: được thành lập ngày 09/06/2015 với vốn điều lệ ban đầu là 10 tỷ đồng, trong đó AMD GROUP sở hữu 51% vốn cổ phần. Công ty CP AMDSMART có ngành nghề chính là thiết kế, sản xuất và cung cấp sản phẩm và dịch vụ phần mềm. Hiện Công ty đang triển khai dự án hoàn thiện giải pháp thanh toán không dùng tiền mặt cho lĩnh vực y tế và giáo dục, cụ thể đang tiến hành cho bệnh viện Hà Thành của Công ty Cổ phần Liên doanh Đầu tư Quốc tế KLF. Đây là sản phẩm còn mới so với các sản phẩm cùng loại tại Việt Nam, sản phẩm và dịch vụ này kỳ vọng sẽ mang lại nguồn lợi nhuận không nhỏ cho Công ty AMDSMART nói riêng và AMD GROUP nói chung đồng thời góp phần thay đổi thói quen sử dụng tiền mặt của người tiêu dùng Việt Nam và thúc đẩy các biện pháp thanh toán không dùng tiền mặt mà Ngân hàng nhà nước đang khuyến khích.

3 . PHẢI THU CỦA KHÁCH HÀNG

	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
a) Phải thu khách hàng ngắn hạn (Chi tiết khách hàng chiếm từ 10% trở lên trên tổng phải thu khách hàng)	48,795,580,091	82,788,684,782
- Công ty Cổ phần TM & KT Khoáng sản Dương Hiếu		35,086,711,720
- Công ty cổ phần thiết bị Năm Sao Việt	10,649,900,000	
- Công ty TNHH Thiên Thuận Tường	7,891,461,335	12,565,492,270
- Công ty TNHH MTV Thái Hưng Hà Nội		9,738,629,700
- Công ty TNHH MTV Cốp Pha Thép Thái Hưng	5,752,147,880	
- Công ty cổ phần thương mại Thái Hưng	2,689,480,863	
- Công ty Cổ phần tập đoàn FLC		5,141,779,497
- Công ty TNHH TV & PTCN CTECH VN	5,085,987,000	3,482,937,000
- Công ty TNHH ĐT và PT Địa ốc HAI	16,420,140,000	16,420,140,000
- Các đối tượng khác	306,463,013	352,994,595

4 . PHẢI THU KHÁC VỀ CHO VAY VÀ PHẢI THU KHÁC

	Số cuối kỳ		Số đầu kỳ	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
a) Ngắn hạn	32,418,677		1,382,418,677	
- Tam ứng	32,418,677		1,382,418,677	
- Phải thu về cho vay			5,000,000,000	
+ Nguyễn Minh Phương			5,000,000,000	

5 . HÀNG TỒN KHO

	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
Hàng mua đang đi đường		-
Chi phí SXKD dở dang	1,962,530,000	(26,873,132)
Thành phẩm nhập kho		-
Hàng hóa	6,155,771,689	7,100,806,784
Hàng hoá bất động sản	38,145,013,365	10,958,276,253
Cộng	46,263,315,054	18,032,209,905

6 . TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

Khoản mục	Nhà cửa vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị dụng cụ quản lý	TSCĐ khác	Đơn vị tính: VND	
						Tổng cộng	
I. Nguyên giá							
Số dư đầu năm			1,445,943,638	142,899,999			1,588,843,637
Tăng trong năm	-	-	-	-	-	-	-
- Mua trong năm							
- Đầu tư XD CB hoàn thành							
- Tăng khác							
Giảm trong năm	-	-	-	-	-	-	-
- Chuyển sang BĐS ĐT							
- Thanh lý, nhượng bán							
- Giảm khác							
Số dư cuối năm	-	-	1,445,943,638	142,899,999	-	-	1,588,843,637
II. Giá trị hao mòn lũy kế							
Số dư đầu năm			1,097,505,135	66,136,630			1,163,641,765
Tăng trong năm	-	-	57,660,961	-	-	-	57,660,961
- Số khấu hao trong năm			57,660,961				57,660,961
- Tăng khác							
Giảm trong năm	-	-	-	-	-	-	-
- Chuyển sang BĐSĐT							
- Thanh lý, nhượng bán							
- Giảm khác							
Số dư cuối năm	-	-	1,155,166,096	66,136,630	-	-	1,221,302,726
III. Giá trị còn lại							
1. Tại ngày đầu năm	-	-	348,438,503	76,763,369	-	-	425,201,872
2. Tại ngày cuối năm	-	-	290,777,542	76,763,643	-	-	367,540,911

- Giá trị còn lại cuối năm của TSCĐ hữu hình đã dùng thế chấp, cầm cố đảm bảo các khoản vay;
- Nguyên giá TSCĐ cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng;
- Nguyên giá TSCĐ cuối năm chờ thanh lý;
- Các cam kết về việc mua, bán TSCĐ hữu hình có giá trị lớn trong tương lai;
- Các thay đổi khác về TSCĐ hữu hình:

7 . CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
a) Ngắn hạn		
- Chi phí trả trước về thuê hoạt động TSCĐ	-	-
- Chi phí mua bảo hiểm		
- Chi phí công cụ dụng cụ xuất dùng		
- Chi phí đi vay	-	-
- Các khoản khác (Nếu chi tiết nếu có giá trị lớn)		
b) Dài hạn	20,078,154,260	16,712,109,950
- Chi phí thành lập doanh nghiệp	88,274,375	45,443,280
- Chi phí mua bảo hiểm	15,421,172,651	16,666,666,670
- Chi phí công cụ dụng cụ xuất dùng		
- Chi phí đầu tư cải tạo công trình EBEST(*)	4,568,707,234	
- Chi phí trả trước dài hạn khác		
Cộng	20,078,154,260	16,712,109,950

(*) Chi phí đầu tư, cải tạo khu đất, công trình trên đất của trung tâm thương mại EbestMall theo hợp đồng số 0805/2014/HTKD-AMD ngày 01/04/2014. Công ty Cổ phần đầu tư AMD Group và Công ty TNHH Thiên Thuận Tường đồng ý cùng hợp tác kinh doanh để khai thác thương mại Công trình và tài sản trên đất trong thời gian còn lại của Hợp đồng thuê nhà xưởng số 68/2011/HĐTNX là 7 năm 6 tháng bắt đầu từ ngày 01/04/2014. Công ty TNHH Thiên Thuận Tường đồng góp bằng quyền khai thác đất, công trình, tài sản trên đất, Công ty Cổ phần đầu tư AMD Group đóng góp bằng chi phí đầu tư, cải tạo tương đương 22.000.000.000 VND (bao gồm thuế GTGT).

Công ty Cổ phần đầu tư AMD Group được hưởng một khoản lợi nhuận cố định hàng năm là 5 tỷ đồng, áp dụng trong 5 năm đầu. Kể từ năm thứ sáu trở đi, khoản lợi nhuận cố định này sẽ được các bên thống nhất điều chỉnh lại cho phù hợp với tình hình kinh doanh thực tế.

Tổng chi phí đầu tư là 20 tỷ đồng, AMD phân bổ đều trong thời gian đầu tư (7 năm 6 tháng kể từ ngày 01/04/2014). Tổng chi phí đã phân bổ trong kỳ: 1.333.333.333 đồng.

8 . VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH

	Số cuối kỳ		Trong năm		Số đầu kỳ	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
a) Vay ngắn hạn						
Vay ngắn hạn Công ty Cổ phần Decohouse (*)	5,000,000,000	5,000,000,000			17,500,000,000	17,500,000,000
Vay các đối tượng khác (****)						
Cộng	-	-	-	-	-	-

9 . PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN

	Số cuối kỳ		Số đầu kỳ	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
a) Các khoản phải trả người bán ngắn hạn				
- Công ty CP tập đoàn FLC	30,404,459,801	30,404,459,801	79,063,150,479	79,063,150,479
Công ty TNHH Thương mại Thái Hưng	7,639,210,000	7,639,210,000	10,048,860,000	10,048,860,000
Công ty cổ phần thiết bị công nghệ ETS	4,620,837,000	4,620,837,000	35,039,327,900	35,039,327,900
Công ty CP Thương Mại và Dịch vụ Đông Sơn			3,470,837,000	3,470,837,000
Công ty CP BCH	6,886,521,587	6,886,521,587	11,922,255,059	11,922,255,059
Chi nhánh công ty TNHH DKSH Việt Nam tại HN	969,326,654	969,326,654		0
Công ty Cổ phần đầu tư kinh doanh và phát triển Hạ tầng KCN Phúc Hà	1,532,440,917	1,532,440,917		
- Các đối tượng khác	8,756,123,643	8,756,123,643	18,581,870,520	18,581,870,520

10 . THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	Đầu năm	Số phải nộp trong kỳ	Số đã nộp trong kỳ	Cuối kỳ
	a) Phải nộp (Chi tiết cho từng loại thuế)			
- Thuế GTGT	580,828,712			580,828,712
- Thuế TNDN	4,502,795,205	2,498,987,078		7,001,782,283
- Thuế TNCN	90,285,822	36,232,399		126,518,221
....		284,339,359	284,339,359	
Cộng	5,173,909,739	2,819,558,836	-	7,709,129,216

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

11 . VỐN CHỦ SỞ HỮU

a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

Số dư đầu năm trước	Vốn góp của chủ sở hữu	Vốn khác của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Đơn vị tính: VND Tổng cộng

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ AMD GROUP

Tầng 1, tòa nhà Việt Úc VAS, KĐT Mỹ Đình I, q. Nam Từ Liêm, tp. Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG QUÝ 4

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/10/2015 đến ngày 31/12/2015

Tăng vốn trong năm trước	300,000,000,000		1,785,199,194	892,599,597	48,067,124,474	350,744,923,265
Lãi trong năm trước						
Tăng khác						
Giảm vốn trong năm trước						
Lỗ trong năm trước						
Giảm khác						
Số dư đầu năm nay	300,000,000,000	-	1,785,199,194	892,599,597	48,067,124,474	350,744,923,265
Tăng vốn trong kỳ						
Lãi trong kỳ						
Tăng khác					8,860,045,090	8,860,045,090
Giảm vốn trong kỳ						
Lỗ trong kỳ						
Giảm khác						
Số dư cuối kỳ	300,000,000,000	-	1,785,199,194	892,599,597	56,927,169,564	359,604,968,355

b) Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

Vốn góp của các đối tượng khác	Tỷ lệ vốn góp	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
	100%	300,000,000,000	300,000,000,000

d) Cổ phiếu

Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	30,000,000	30,000,000
- Cổ phiếu phổ thông	30,000,000	30,000,000
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	30,000,000	30,000,000
- Cổ phiếu phổ thông	30,000,000	30,000,000
- Cổ phiếu ưu đãi	30,000,000	30,000,000

* Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND/cổ phần

e) Các quỹ của doanh nghiệp

	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
- Quỹ đầu tư phát triển	1,785,199,194	1,785,199,194
- Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	-	-
- Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	892,599,597	892,599,597

. CÁC THÔNG TIN KHÁC DO DOANH NGHIỆP TỰ GIẢI TRÌNH, THUYẾT MINH

VII. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Báo cáo kết quả kinh doanh

9. Thông tin về hoạt động liên tục

Báo cáo tài chính này được lập trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục.

10. Những thông tin khác

Ngoài những thông tin đã trình bày trên, trong kỳ Công ty không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra đòi hỏi phải trình bày hay công bố trên Báo cáo tài chính.

Người lập biểu



Đinh Đặng Thủy Anh

Kế toán trưởng



Đinh Đặng Thủy Anh



Hà Nội, ngày 19 tháng 1 năm 2016

Nguyễn Tiến Đức

